TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 970/2023/HS-PT
Ngày 20/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thủy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1105/2023/TLPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Vũ Thị H, Phan Thanh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 201/2023/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

**** Bị cáo không kháng cáo, bị kháng cáo:***

Vũ Thị H, sinh năm 1980; tại Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT: thôn Đông Th, xã Đa L, huyện Hậu L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp khi phạm tội: Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Đa L; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 130-QĐ/UBKTHU ngày 19/4/2021 của Huyện ủy Hậu L; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc R (đã chết) và bà Bùi Thị M; có chồng là Phan Thanh T (là bị cáo trong cùng vụ án) và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/7/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

**** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:***

Phan Thanh T, sinh năm 1974; tại Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT: thôn Đông Th, xã Đa L, huyện Hậu L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp khi phạm tội: Là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn; nghỉ thôi việc từ ngày 01/7/2023 theo Quyết định số 321/QĐ-TCCB ngày 28/6/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 41-QĐ/UBKTHU ngày 03/8/2023 của Huyện ủy Nga Sơn; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn D và bà Trương Thị H; có vợ là Vũ Thị H (là bị cáo trong cùng vụ án) và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh; có mặt.

**** Người bào chữa cho các bị cáo do Tòa án chỉ định:*** Luật sư Vũ Quốc T1 - Văn phòng luật sư Thiên Ph, Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

**** Người bị hại có kháng cáo:***

1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1969; có mặt.

2. Bà Vũ Thị H2, sinh năm 1964; có mặt.

Cùng trú tại: thôn Ninh Ph1, xã Đa L, huyện Hậu L, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị H là Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Đa L, huyện Hậu L, tỉnh Thanh Hóa; trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2020, bản thân cần vay tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, nhưng H lại trao đổi với chị Vũ Thị M là Chi Hội trưởng Chi Hội phụ nữ thôn Ninh Ph1, xã Đa L về việc H vay tiền giúp cho UBND xã Đa L và nhờ chị M giới thiệu người cho vay. Do tin tưởng nên chị M đã giới thiệu cho Vũ Thị H và Phan Thanh T (là chồng H) đến vay tiền của ông Nguyễn Văn T2 và bà Vũ Thị H2, cụ thể như sau:

1. Về hành vi vay số tiền 300.000.000 đồng của bà Vũ Thị H2:

Ngày 25/9/2018, Vũ Thị H đặt vấn đề vay số tiền 300.000.000 đồng của bà Vũ Thị H2, theo khai báo của bà H2, do H nói vay tiền cho UBND xã Đa L xây dựng nông thôn mới, khi nào xã về đích nông thôn mới hoặc gia đình yêu cầu sẽ trả nên bà H2 yêu cầu phải có xác nhận của UBND xã và có chữ ký của Phan Thanh T để đảm bảo việc trả nợ thì bà mới cho vay, nên H đồng ý viết giấy vay, đóng dấu đỏ của Hội phụ nữ xã Đa L (con dấu do H quản lý), giấy vay có chữ ký của Phan Thanh T, sau đó bà H2 giao số tiền 300.000.000 đồng cho H.

Quá trình điều tra, Vũ Thị H khai nhận có vay tiền của bà H2 nhưng không nói lý do là vay cho UBND xã Đa L và Phan Thanh T không liên quan đến việc vay nợ, sau đó Vũ Thị H không hợp tác làm việc, không khai báo, khi cơ quan chức năng yêu cầu làm việc thì bị cáo không trả lời, nôn ra chất màu đỏ từ miệng. Sau khi bắt tạm giam và kết thúc điều tra, bị cáo khai không đưa ra thông tin gian dối để vay tiền, việc Phan Thanh T ký vào giấy vay là do bị cáo lừa T ký vào tờ giấy trắng chưa viết nội dung.

2. Về hành vi 06 lần vay tổng số tiền 1.350.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn T2:

Cũng tương tự như lý do nói với bà H2, theo khai báo của ông T2, khi Vũ Thị H đặt vấn đề vay tiền của ông T2 cho UBND xã chuẩn bị Đại hội Đảng bộ và xây dựng nông thôn mới, sau Đại hội sẽ trả, có con dấu làm chứng, khi đó Phan Thanh T đi cùng H và khẳng định H vay tiền cho UBND xã, nếu UBND xã không trả thì vợ chồng T có trách nhiệm trả, T có ký vào giấy vay nên ông T2 đã cho H, T vay 06 lần, cụ thể: Ngày 11/3/2019 (âm lịch) vay 200.000.000 đồng; ngày 14/3/2019 (âm lịch) vay 100.000.000 đồng; ngày 30/4/2019 (âm lịch) vay 100.000.000 đồng; ngày 24/5/2019 (âm lịch) vay 500.000.000 đồng; ngày 30/12/2019 (âm lịch) vay 02 lần, 01 lần 250.000.000 đồng và 01 lần 200.000.000 đồng. Trong tổng số 06 giấy vay có 05 giấy có chữ ký của Phan Thanh T với tổng số tiền 1.100.000.000 đồng.

Hồ sơ vụ án thể hiện trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai của Vũ Thị H 07 lần và H có 04 bản tự khai, nội dung khai báo thể hiện do cần tiền trả nợ, chi tiêu nên H và chồng (là Phan Thanh T) có vay tiền của ông T2, bà H2 nhiều lần, sau đó Vũ Thị H thay đổi lời khai và cho rằng T không liên quan đến việc vay nợ, việc T ký vào giấy vay là do H lừa ký vào giấy trắng chưa có nội dung, khi viết giấy vay do ông T2, bà H2 yêu cầu nên H đã đóng dấu của Hội phụ nữ xã Đa L vào các giấy vay; việc các bị hại khai báo lý do vay tiền cho UBND xã để phục vụ Đại hội, đón nông thôn mới là không đúng; do tiền lãi cao, nhiều khoản vay nên từ tháng 3/2020 mất khả năng trả nợ. Tuy nhiên, từ sau ngày 08/4/2021 đến khi kết thúc điều tra, Cơ quan điều tra không làm việc được với Vũ Thị H do gọi hỏi không trả lời, thường nôn ra chất màu nâu đỏ.

Quá trình điều tra, Phan Thanh T không thừa nhận hành vi đồng phạm giúp sức cho Vũ Thị H. T thừa nhận có đi cùng H đến nhà ông T2 01 lần do H nhờ vì trời tối, nhưng không được H trao đổi nội dung gì, có thấy ông T2 đưa tiền cho H và thấy H đưa lại cho ông T2 một số tiền và nói gửi tiền lãi trước nhưng không biết cụ thể; T có ký vào 01 số tờ giấy (hoặc sổ) nhưng khi ký chỉ là giấy trắng, không có nội dung, lý do ký là do H nhờ và tin tưởng vợ nên ký, không biết việc H vay tiền.

Việc các bị cáo khai báo nội dung Phan Thanh T chỉ ký vào các tờ giấy trắng là không có căn cứ, vì tài liệu về việc vay nợ cơ quan điều tra thu giữ là 02 quyển sổ vay và 04 tờ giấy vay do bị hại giao nộp, việc vay tiền diễn ra nhiều lần, ở nhiều thời điểm khác nhau, sổ vay do bị hại giữ nên không thể có việc Phan Thanh T ký vào các tờ giấy trắng; mặt khác, khi vay các lần sau thì trong sổ đã có chữ ký vào nội dung vay của các lần vay trước. Kết quả giám định các giấy vay tiền có chữ ký của Vũ Thị H, Phan Thanh T, Vũ Thị M, hình dấu đỏ của Hội Phụ nữ xã đều là chữ viết, chữ ký của Vũ Thị H, Phan Thanh T, Vũ Thị M, hình dấu màu đỏ là của Hội phụ nữ xã Đa L.

Trong quá trình điều tra, do có nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định tình trạng tâm thần của Vũ Thị H. Kết luận giám định số 144/KLGĐ ngày 31/5/2022 của Viện pháp y tâm thần Trung ương, kết luận: "Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị can Vũ Thị H không có bệnh tâm thần. Bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Tại thời điểm giám định bị can Vũ Thị H mắc bệnh rối loạn Stress sau sang chấn, bệnh ở giai đoạn thuyên giảm. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F43.1. Bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi".

Kết luận giám định chất nôn trong quá trình làm việc thu giữ của Vũ Thị H là máu người.

Kết quả xác minh tại UBND xã Đa L, huyện Hậu L xác định UBND xã không giao cho Vũ Thị H vay tiền cho UBND xã. Ngoài tổng số tiền 1.650.000.000 đồng vay của ông Nguyễn Văn T2 và bà Vũ Thị H2 có đóng dấu của Hội Phụ nữ xã trên giấy vay, trong quá trình điều tra bà Vũ Thị H2 còn cung cấp một số giấy vay tiền của Vũ Thị H nhưng không đóng dấu Hội Phụ nữ xã Đa L, xét thấy chưa đủ căn cứ xác định Vũ Thị H, Phan Thanh T có hành vi đưa ra thông tin gian dối để vay tiền mà đây là giao dịch dân sự.

Về nội dung Vũ Thị H khai báo lãi xuất mà ông T2, bà H2 cho bị cáo vay 6%/tháng, nhưng quá trình điều tra bị cáo không xuất trình chứng cứ, tài liệu chứng minh, mặt khác trong giấy vay thể hiện nội dung lãi xuất cho vay là 2,5%/tháng nên không có căn cứ xem xét về dấu hiệu hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của ông T2, bà H2.

Về hành vi ký vào giấy vay tiền với tư cách người làm chứng của chị Vũ Thi M. Quá trình điều tra, chị Vũ Thị M khai báo khoảng năm 2018 có được Vũ Thị H trao đổi với chị về việc UBND xã đang chuẩn bị đón nhận nông thôn mới nên UBND xã giao cho Hội phụ nữ xã vay tiền, khi nào quyết toán sẽ trả lại, H nhờ chị M giới thiệu người cho vay. Sau đó chị M có dẫn Vũ Thị H, Phan Thanh T đến gặp ông Nguyễn Văn T2, bà Vũ Thị H2 để vay tiền nhưng vay bao nhiêu lần chị M không nhớ. Chị có chứng kiến việc Vũ Thị H trao đổi với ông Nguyễn Văn T2, bà Vũ Thị H2 là vay tiền cho UBND xã để làm các công trình của xã, có ký chứng kiến việc vay tiền do ông T2 nhờ ký, khi ký có thấy chữ ký của Phan Thanh T, Vũ Thị H và có đóng dấu màu đỏ.

Chị Vũ Thị M đã ký với tư cách người làm chứng trong 02 giấy vay tiền của ông T2 (giấy vay ngày 14/3/2019 và ngày 30/4/2019 âm lịch) nhưng kết quả điều tra chứng minh chị M không biết việc Vũ Thị H đưa ra thông tin gian dối về lý do vay tiền, sau khi vay không trả, lý do chị giới thiệu H, T đến vay tiền của ông T2, bà H2 là do nể nang H là cấp trên, chị chỉ ký chứng kiến việc vay tiền, không được bàn bạc, không hưởng lợi gì nên không có căn cứ xử lý.

Phần dân sự: Ông Nguyễn Văn T2 và bà Vũ Thị H2 yêu cầu bị cáo Vũ Thị H, Phan Thanh T phải trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

Cáo trạng số 27/CT-VKS-P3 ngày 25/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị can Vũ Thị H và Phan Thanh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 201/2023/HS-ST ngày 29/8/2023, Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Thị H.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Thanh T.

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Thị H, Phan Thanh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị H 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày tạm giam 07/7/2023.

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 587, 589 Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo Vũ Thị H, Phan Thanh T phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn T2 số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng); bồi thường cho bà Vũ Thị H2 số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Tổng số tiền bị cáo H và T phải bồi thường là 1.650.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng), nhưng được trừ đi số tiền 3.000.000 đồng bị cáo T đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2022/0000670 ngày 14/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa; số tiền còn lại bị cáo H và bị cáo T phải bồi thường là 1.647.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về trách nhiệm thi hành án; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/9/2023, bị cáo Phan Thanh T kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 08/9/2023, người bị hại ông Nguyễn Văn T2 và bà Vũ Thị H2 kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Vũ Thị H, Phan Thanh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Vũ Thị H đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T vì giữa bị cáo và bị cáo T là vợ chồng; hiện gia đình rất khó khăn, có con bị bệnh; nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội là do bị cáo; số tiền chiếm đoạt bị cáo đã sử dụng cá nhân, bị cáo T không được sử dụng.

Bị cáo Phan Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bị cáo nhận thức được hành vi phạm pháp luật, bị cáo nhất trí với tội danh, và điều luật mà Tòa án đã quy kết. Bị cáo và bị cáo H là vợ chồng; gia đình có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, có hai con còn nhỏ, trong đó một con mắc bệnh tự kỷ, bố mẹ già yếu, anh em làm ăn xa, không có ai chăm lo cho hai con nhỏ được; bản thân được Tòa án nhân dân tối cao tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tòa án; bố bị cáo là ông Phan Văn D được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ giải phóng trong cuộc chiến chống Mỹ cứu nước; được Chính phủ tặng bảng gia đình vẻ vang của ông Phan Đình Tiềm, bà Nguyễn Thị Điểm, có hai quân nhân chống Mỹ cứu nước.

Người bào chữa cho các bị cáo, luật sư Vũ Quốc T1 trình bày: Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con lớn bị cáo bị bệnh tự kỷ, bố mẹ bị cáo già yếu, gia đình bị cáo hiện không có nhà cửa, phải đi ở nhờ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo T được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc con cái và đi làm kiếm tiền trả cho các bị hại, đồng thời không chấp nhận kháng cáo của các bị hại về việc tăng hình phạt đối với các bị cáo H, T.

Người bị hại ông Nguyễn Văn T2 và bà Vũ Thị H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng: Các bị cáo đã lừa đảo để lấy tiền của ông, bà và đến nay chưa trả; việc Tòa án sơ thẩm xét xử mức án cho các bị cáo là quá thấp, nay đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thanh T và kháng cáo của người bị hại ông T2, bà H2; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra, truy tố, xét xử không có người tham gia tố tụng nào khiếu nại về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng, nên các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

Kháng cáo của bị cáo T, người bị hại ông T2, bà H2 trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vũ Thị H, Phan Thanh T khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người tham gia tố tụng khác, phù hợp với kết luận giám

định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền chi tiêu cá nhân, Vũ Thị H đã nhờ chị Vũ Thị M giới thiệu ông Nguyễn Văn T2 và bà Vũ Thị H2 để vay tiền. H đưa ra thông tin gian dối là UBND xã Đa L, huyện Hậu L chuẩn bị đón nông thôn mới và chi phí Đại hội Đảng; sau đó sử dụng dấu của Hội phụ nữ xã Đa L đóng vào giấy vay tiền để tạo lòng tin đối với ông Nguyễn Văn T2 và bà Vũ Thị H2. Ông T2 và bà H2 tin là thật nên ông T2 đã cho vay 06 lần tổng số tiền 1.350.000.000 đồng; bà H2 cho vay 300.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền thì H mất khả năng thanh toán. Tổng số tiền bị cáo H và bị cáo T chiếm đoạt của ông T2 và H2 là 1.650.000.000 đồng.

Từ nội dung trên, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xét xử các bị cáo Vũ Thị H, Phan Thanh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị T, người bị hại ông T2 và bà H2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Vũ Thị H, Phan Thanh T là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an và gây nên sự bất bình, tâm lý hoang mang trong dư luận nhân dân nên cần xử phạt nghiêm minh để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Các bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với danh nghĩa vay tiền cho UBND xã Đa L, huyện Hậu L chuẩn bị đón nông thôn mới và chi phí Đại hội Đảng; sau đó sử dụng dấu của Hội phụ nữ xã Đa L đóng vào giấy vay tiền để tạo lòng tin đối với ông Nguyễn Văn T2 và bà Vũ Thị H2 Bị cáo H là người thực hiện mọi hành vi gian dối để nhận được số tiền muốn chiếm đoạt từ bị hại; bị cáo T chỉ vì tin H (vợ của T), không nhận thức hết được hậu quả xảy ra, nên đã cùng bị cáo H ký vào giấy vay tiền, tăng thêm niềm tin cho bị hại, để bị hại cho H vay tiền, vì vậy T giữ vai trò thứ yếu, giúp sức cho bị cáo H thực hiện hành vi lừa đảo.

Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét vai trò, vị trí của từng bị cáo trong vụ án cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như: Cả hai bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, đã bồi thường được một phần nhỏ cho bị hại (3.000.000 đồng). Bị cáo H được Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng khen năm 2020; được Giám đốc Công an tỉnh Thanh Hóa tặng Giấy khen năm 2018 vì đã có thành tích xuất sắc trong 10 năm thực hiện Đề án 375 và Chỉ thị số 10 của UBND tỉnh về "Xây dựng khu dân cư an toàn về ANTT". Khi thực hiện hành vi phạm tội, Vũ Thị H không có bệnh tâm thần, bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; Tại thời điểm giám định bị can Vũ Thị H mắc bệnh rối loạn Stress sau sang chấn, bệnh ở giai đoạn thuyên giảm; Theo phân loại

bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F43.1. Bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi (theo Kết luận giám định số 144/KLGĐ ngày 31/5/2022 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận - bút lục 217). Bị cáo Phan Thanh T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; là người giúp sức cho bị cáo H, vị trí vai trò không đáng kể; có bố đẻ là ông Phan Văn D được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng Huy chương Chiến sĩ giải phóng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đã tuyên phạt các bị cáo H 10 năm tù, bị cáo T 3 năm tù là có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo và luật sư bảo vệ cho các bị cáo trình bày: Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con lớn bị cáo bị bệnh tự kỷ, bố mẹ bị cáo già yếu, gia đình bị cáo hiện không có nhà cửa, phải đi ở nhờ; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ và cho bị cáo T được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc con cái và đi làm kiếm tiền trả cho các bị hại, đồng thời không chấp nhận kháng cáo của các bị hại về việc tăng hình phạt đối với các bị cáo H, T; ngoài ra các bị cáo và những người bị hại không đưa ra được các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nào khác. Tuy nhiên những tình tiết này của các bị cáo đã được cấp sơ thẩm xem xét và đã phân hóa vai trò các bị cáo trong vụ án, bị cáo H giữ vai trò chủ đạo, bị cáo T có vai trò thứ yếu. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H 10 năm tù (dưới khung hình phạt), bị cáo T 03 năm tù là phù hợp. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo T cũng như kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo H, T của các bị hại.

[3] Về án phí: Bị cáo T phải nộp chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo H và người bị hại ông T2, bà H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thanh T;

2. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại ông Nguyễn Văn T2 và bà Vũ Thị H2;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 201/2023/HS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Thị H.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Thanh T.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Thị H, Phan Thanh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Xử phạt Bị cáo Vũ Thị H 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày tạm giam 08/7/2023.

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bắt giam thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 587, 589 Bộ luật Dân sự; Buộc các bị cáo Vũ Thị H, Phan Thanh T phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn T2 số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng); bồi thường cho bà Vũ Thị H2 số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Tổng số tiền các bị cáo H và T phải bồi thường là 1.650.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng), nhưng được trừ đi số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) bị cáo T đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2022/0000670 ngày 14/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa; số tiền còn lại bị cáo H và bị cáo T phải bồi thường là 1.647.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

5. Về án phí: Bị cáo T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo H và người bị hại ông Nguyễn Văn T2, bà Vũ Thị H2 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TTG - Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo H (qua trại);
- Bị cáo T (theo đ/c);
- NBH (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà